

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NGÂN
HÀNG
THƯƠNG
MẠI CỔ
PHẦN LỘC
PHÁT VIỆT
NAM

Digitally signed
by NGÂN
HÀNG
THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN LỘC
PHÁT VIỆT NAM
Date:
2026.09.30
16:23:39
+07'00'

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN LỘC PHÁT VIỆT NAM

(Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2026
ngày 28/4/2026)

Năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	6
MỤC 1 – GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ VIẾT TẮT	6
<i>Điều 1. Giải thích từ ngữ và viết tắt</i>	6
MỤC 2 – THÔNG TIN VỀ LPBANK, MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CON DẤU VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG	9
<i>Điều 2. Thông tin về LPBank</i>	9
<i>Điều 3. Mục tiêu của LPBank</i>	9
<i>Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của LPBank</i>	10
<i>Điều 5. Con dấu</i>	10
<i>Điều 6. Mạng lưới hoạt động của LPBank</i>	10
MỤC 3 – CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA LPBANK	10
<i>Điều 7. Nội dung hoạt động cơ bản</i>	10
<i>Điều 8. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá</i>	11
<i>Điều 9. Mở tài khoản</i>	11
<i>Điều 10. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán</i>	11
<i>Điều 11. Góp vốn, mua cổ phần</i>	11
<i>Điều 12. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh</i>	12
<i>Điều 13. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý của LPBank</i>	12
<i>Điều 14. Các hoạt động kinh doanh khác của LPBank</i>	12
<i>Điều 15. Kinh doanh bất động sản</i>	13
<i>Điều 16. Các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động</i>	13
Chương II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU	13
MỤC 1 – VỐN ĐIỀU LỆ	13
<i>Điều 17. Vốn điều lệ</i>	13
<i>Điều 18. Thay đổi vốn điều lệ</i>	14
MỤC 2 – CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU	14
<i>Điều 19. Cổ phần</i>	14
<i>Điều 20. Tỷ lệ sở hữu cổ phần</i>	15
<i>Điều 21. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần</i>	15
<i>Điều 22. Mua lại cổ phần</i>	17
<i>Điều 23. Thừa kế cổ phần</i>	19
<i>Điều 24. Cổ phiếu</i>	19
<i>Điều 25. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán và xác lập danh sách cổ đông</i>	19
<i>Điều 26. Phát hành Trái phiếu</i>	20

Chương V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT LPBANK	20
MỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH	20
Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý, bộ máy điều hành của LPBank	20
MỤC 2 – CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	21
Điều 28. Cổ đông	21
Điều 29. Quyền của cổ đông LPBank	21
Điều 30. Nghĩa vụ của cổ đông LPBank	23
Điều 31. Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 32. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 33. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 34. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 35. Mời họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 36. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 37. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 38. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	30
Điều 39. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 40. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	33
Điều 41. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	34
MỤC 3 – CÁC QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC,	34
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
Điều 42. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	34
Điều 43. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ	36
Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện với Người quản lý, Người điều hành và một số chức danh khác của LPBank	36
Điều 45. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	38
Điều 46. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách	38
Điều 47. Bãi nhiệm, miễn nhiệm	39
Điều 48. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Người điều hành	40
Điều 49. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc	40
Điều 50. Cung cấp, công bố công khai thông tin	41
Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của Người quản lý, Người điều hành	42
Điều 52. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý, người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát	43
MỤC 4 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	43

Điều 53. Hội đồng Quản trị và Cơ cấu Hội đồng Quản trị	43
Điều 54. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị.....	44
Điều 55. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	46
Điều 56. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	47
Điều 57. Hợp Hội đồng Quản trị.....	47
Điều 58. Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	49
Điều 59. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến của Thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.....	50
MỤC 5 – BAN KIỂM SOÁT	51
Điều 60. Ban Kiểm soát và cơ cấu của Ban Kiểm soát.....	51
Điều 61. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát; quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	52
Điều 62. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát	54
Điều 63. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.....	54
MỤC 6 – TỔNG GIÁM ĐỐC	55
Điều 64. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc	55
Điều 65. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	55
MỤC 7 – NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	56
Điều 66. Người lao động và công đoàn	56
CHƯƠNG IV	56
HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ	56
Điều 67. Hệ thống kiểm soát nội bộ.....	56
Điều 68. Kiểm toán nội bộ	56
Chương V CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, THÔNG TIN, BÁO CÁO.....	57
MỤC 1 – CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN.....	57
Điều 69. Chế độ tài chính.....	57
Điều 70. Năm tài chính	57
Điều 71. Sử dụng vốn.....	57
Điều 72. Hệ thống kế toán.....	57
Điều 73. Kiểm toán độc lập.....	57
MỤC 2 – TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	58
Điều 74. Các quỹ dự trữ.....	58
Điều 75. Phân chia lợi nhuận	58
MỤC 3 – CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO	59
Điều 76. Báo cáo.....	59
Điều 77. Công khai báo cáo tài chính.....	59
Điều 78. Thông tin.....	59

Điều 79. Bảo mật thông tin	59
Chương VI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ.....	60
Điều 80. Quyền xem xét, tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	60
Chương VII.....	60
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	60
Điều 81. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	60
Chương VIII CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN,	61
GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ	61
Điều 82. Can thiệp sớm và kiểm soát đặc biệt.....	61
Điều 83. Tổ chức lại.....	61
Điều 84. Phá sản.....	61
Điều 85. Giải thể và thanh lý tài sản.....	61
Chương IX HIỆU LỰC, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	62
Điều 86. Ngày hiệu lực, quy định chuyển tiếp, sửa đổi và bổ sung Điều lệ.....	62

PHẦN MỞ ĐẦU

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN LỘC PHÁT VIỆT NAM (sau đây gọi tắt là LPBank) là ngân hàng thương mại cổ phần được thực hiện các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận và góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của Nhà nước Việt Nam.

Tổ chức và các hoạt động của LPBank được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua ngày 28/04 2026 và có hiệu lực theo quy định tại Điều 86 Điều lệ này.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Mục 1 – Giải thích từ ngữ và viết tắt****Điều 1. Giải thích từ ngữ và viết tắt**

1. Trong Điều lệ này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) **LPBank** là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam;
 - b) **Địa bàn hoạt động** là phạm vi địa lý được ghi trong Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mà tại đó LPBank được thiết lập mạng lưới hoạt động theo quy định của pháp luật;
 - c) **Vốn điều lệ** là tổng mệnh giá cổ phần của LPBank đã bán cho cổ đông;
 - d) **Giấy phép** là Giấy phép thành lập và hoạt động của LPBank. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép;
 - e) **Công ty con của LPBank** là công ty thuộc một trong các trường hợp sau:
 - (i) LPBank hoặc LPBank và người có liên quan của LPBank sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty đó;
 - (ii) LPBank có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của Công ty đó;
 - (iii) LPBank có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty đó;
 - (iv) LPBank hoặc LPBank và người có liên quan của LPBank trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của Công ty đó.
 - f) **Công ty liên kết của LPBank** là công ty trong đó LPBank hoặc LPBank và người có liên quan sở hữu trên 11% (mười một phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 11% (mười một phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là Công ty con của LPBank;
 - g) **Cổ phần** là vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau;
 - h) **Cổ phần ưu đãi cổ tức** là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm;
 - i) **Cổ phiếu** là chứng chỉ do LPBank phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của LPBank;
 - j) **Cổ tức** là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác;
 - k) **Cổ đông** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần của LPBank;
 - l) **Cổ đông sáng lập** là cổ đông tham gia vào việc thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của LPBank;

- m) **Cổ đông lớn** là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của LPBank, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp;
- n) **Sở hữu gián tiếp** là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ, vốn cổ phần của LPBank thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% vốn điều lệ;
- o) **DHĐCĐ** là Đại hội đồng cổ đông;
- p) **HDQT** là Hội đồng Quản trị;
- q) **BKS** là Ban Kiểm soát;
- r) **Người quản lý** bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc;
- s) **Người điều hành** bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị của LPBank quy định từng thời kỳ;
- t) **Người có liên quan** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Công ty mẹ với Công ty con và ngược lại; Công ty mẹ với Công ty con của Công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với Công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với Công ty con của Công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; Các Công ty con của cùng một Công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; Các Công ty con của Công ty con của cùng một Công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng với nhau; Người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với Công ty con và ngược lại;
 - (ii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với Người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - (iii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng và ngược lại;
 - (iv) Cá nhân với vợ, chồng, cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;
 - (v) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại tiết (iv) Điểm này của Người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng và ngược lại;

- (vi) Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết (i), (ii), (iii), (iv) và (v) của Điểm này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;
 - (vii) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể.
 - u) **Pháp luật** là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm liên quan đến các hoạt động ngân hàng;
 - v) **Giấy tờ pháp lý của cá nhân** là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ căn cước, Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác;
 - w) **Giấy tờ pháp lý của tổ chức** là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác;
 - x) **Địa chỉ liên lạc** là địa chỉ địa lý hoặc địa chỉ của phương tiện điện tử (như địa chỉ thư điện tử, fax, số điện thoại hoặc các địa chỉ khác theo quy định của LPBank từng thời kỳ);
 - y) **Luật Doanh nghiệp** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
 - z) **Luật Các TCTD** là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và văn bản sửa đổi, bổ sung;
 - aa) **Luật Chứng khoán** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
 - bb) **Việt Nam** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - cc) **NHNN** là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - dd) **VSDC** là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
 - ee) **Ngày làm việc** trong Điều lệ này được hiểu là ngày làm việc của LPBank, không bao gồm ngày nghỉ cuối tuần và các ngày nghỉ lễ, tết theo thông báo của LPBank.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.
 3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới các nội dung của Điều lệ này.
 4. Các từ ngữ chưa được định nghĩa trong Điều lệ này, sẽ được hiểu theo các quy định pháp luật có liên quan.

Mục 2 – Thông tin về LPBank, mục tiêu hoạt động, người đại diện theo pháp luật, con dấu và mạng lưới hoạt động

Điều 2. Thông tin về LPBank

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam (trước đây là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt) được phép thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 91/GP-NHNN ngày 28/3/2008 do NHNN cấp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế giấy phép này. LPBank có:

1. Tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN LỘC PHÁT VIỆT NAM
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:
FORTUNE VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK
Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **LPBank**
Tên giao dịch: **NGÂN HÀNG LỘC PHÁT VIỆT NAM**
3. Trụ sở chính đặt tại: Số 8, ngõ 1, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.
Trang Web : www.lpbank.com.vn
4. Điều lệ tổ chức và hoạt động; các cơ quan quản lý và điều hành.
5. Tài khoản riêng mở tại NHNN, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN.
6. Bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.
7. Thời hạn hoạt động của LPBank là 99 (chín mươi chín) năm, có thể được gia hạn trên cơ sở quyết định của ĐHĐCĐ và phải được NHNN chấp thuận.
8. Địa bàn hoạt động: trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Ngoài ra, LPBank có thể hoạt động tại các quốc gia, vùng lãnh thổ khác nếu được NHNN và chính quyền nước, vùng lãnh thổ sở tại cho phép.

Điều 3. Mục tiêu của LPBank

1. Lĩnh vực kinh doanh của LPBank là hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng... được quy định trong Giấy phép của LPBank, và tuân thủ các quy định của Luật Các TCTD, các quy định hiện hành có liên quan của pháp luật nhằm phục vụ cho các đối tượng khách hàng theo đúng chiến lược kinh doanh đã đề ra.
2. Mục tiêu của LPBank là xây dựng một ngân hàng bán lẻ điển hình, có vị trí hàng đầu trong nước và trong khu vực về quy mô hoạt động, thị phần, chất lượng dịch vụ, phong cách phục vụ, hiệu quả hoạt động kinh doanh cao. Trên cơ sở đó, LPBank sẽ đóng góp tích cực vào ngân sách Nhà nước, thực hiện trách nhiệm xã hội, góp phần phát triển kinh tế đất nước và mang lại lợi nhuận cao nhất cho cổ đông.
3. Các mục tiêu khác:
 - a) Xây dựng LPBank thành một tập thể đoàn kết, nhất trí, phấn đấu để LPBank ngày càng phát triển lớn mạnh;

- b) Tạo việc làm ổn định cho người lao động tại LPBank;
- c) Các mục tiêu khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của LPBank

1. LPBank có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của LPBank là Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc LPBank. HĐQT quyết định và thực hiện thay đổi người đại diện theo pháp luật trong từng thời kỳ.
2. Người đại diện theo pháp luật của LPBank thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của LPBank.
3. Người đại diện theo pháp luật của LPBank phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là Người quản lý, Người điều hành của LPBank đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Việc ủy quyền thực hiện theo quy định nội bộ của LPBank về ủy quyền.

Điều 5. Con dấu

1. Mẫu dấu của LPBank do HĐQT quyết định hoặc phân cấp cho cấp có thẩm quyền khác quyết định theo quy định pháp luật.
2. Việc khắc, đăng ký, quản lý và sử dụng con dấu thực hiện theo quy định nội bộ của LPBank.

Điều 6. Mạng lưới hoạt động của LPBank

1. Mạng lưới hoạt động của LPBank gồm:
 - a) Các Chi nhánh, các Văn phòng đại diện, các Đơn vị sự nghiệp, các Công ty con;
 - b) Các Phòng Giao dịch;
 - c) Các Phòng Giao dịch Bưu điện;
 - d) Các đơn vị khác phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Tùy thuộc từng thời điểm cụ thể, LPBank quyết định việc mở mạng lưới ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Mục 3 – Các hoạt động chính của LPBank**Điều 7. Nội dung hoạt động cơ bản**

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - e) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế khi LPBank được phép thực hiện thanh toán quốc tế;
 - f) Thư tín dụng;

- g) Các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc NHNN.
- 4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
- 5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
- 6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:
 - a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm: séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản và các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 8. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá

- 1. LPBank được vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của pháp luật.
- 2. LPBank được mua, bán giấy tờ có giá với NHNN theo quy định của pháp luật;
- 3. LPBank được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc NHNN;
- 4. LPBank được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Mở tài khoản

- 1. LPBank phải mở tài khoản thanh toán tại NHNN và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.
- 2. LPBank được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
- 3. LPBank được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 10. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán

- 1. LPBank được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia và các hệ thống thanh toán trong nước hợp pháp khác.
- 2. LPBank được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau khi đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

Điều 11. Góp vốn, mua cổ phần

- 1. LPBank chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 8 Điều này.
- 2. LPBank phải thành lập hoặc mua lại Công ty con, Công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - b) Cho thuê tài chính;
 - c) Bảo hiểm.
- 3. LPBank được thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.

4. LPBank được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
5. LPBank thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
6. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết và việc góp vốn, mua cổ phần của LPBank; điều kiện tăng vốn tại Công ty con, Công ty liên kết của LPBank; hoạt động của Công ty con, Công ty liên kết của LPBank trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
7. LPBank thành lập Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của pháp luật có liên quan.
8. LPBank, Công ty con của LPBank được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NHNN.

Điều 12. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh

1. Sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản, LPBank được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây:
 - a) Ngoại hối;
 - b) Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác;
 - c) Phái sinh giá cả hàng hóa.
2. NHNN quy định về phạm vi kinh doanh ngoại hối; cung ứng dịch vụ ngoại hối, kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh; điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc kinh doanh ngoại hối; cung ứng dịch vụ ngoại hối, kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh của LPBank.
3. Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của LPBank cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 13. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý của LPBank

1. LPBank được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc NHNN.
2. LPBank được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 14. Các hoạt động kinh doanh khác của LPBank

1. LPBank được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc NHNN:
 - a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
 - b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

- c) Mua, bán tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
 - d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;
 - e) Kinh doanh vàng;
 - f) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;
 - g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;
 - h) Đầu tư hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ.
2. LPBank được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:
- a) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - b) Phát hành trái phiếu;
 - c) Lưu ký chứng khoán;
 - d) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;
 - e) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
 - f) Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.
3. LPBank được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Kinh doanh bất động sản

LPBank không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

- 1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của LPBank.
- 2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của LPBank.
- 3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, LPBank tuân thủ các quy định về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật các TCTD và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương II**VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU****Mục 1 – Vốn điều lệ****Điều 17. Vốn điều lệ**

- 1. Vốn điều lệ tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 29.872.821.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi hai tỷ tám trăm hai mươi một triệu đồng).

2. Vốn điều lệ của LPBank có thể được thay đổi trong từng thời kỳ theo quy định của NHNN, quy định của pháp luật về việc thay đổi mức vốn điều lệ. Số vốn điều lệ mới khi được đăng ký theo quy định của pháp luật được xem là sửa đổi, bổ sung điều khoản này.
3. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
4. Trong quá trình hoạt động, LPBank phải bảo đảm mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
5. Vốn điều lệ của LPBank được sử dụng vào các mục đích phù hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Thay đổi vốn điều lệ

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của LPBank (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của ĐHĐCĐ và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.
2. Vốn điều lệ LPBank có thể được tăng từ các nguồn sau:
 - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo quy định của pháp luật;
 - c) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
 - d) Vốn do cổ đông góp thêm;
 - e) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.
3. Vốn điều lệ LPBank có thể được giảm trong các trường hợp sau:
 - a) LPBank mua lại và hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh;
 - b) LPBank thu hồi và hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh;
 - c) Các hình thức khác do ĐHĐCĐ quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật.Việc giảm vốn điều lệ của LPBank phải đảm bảo không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN và pháp luật có liên quan.
5. Sau khi được NHNN chấp thuận thay đổi vốn điều lệ mới, LPBank phải:
 - a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với thay đổi đã được chấp thuận;
 - b) Công bố nội dung thay đổi trên các phương tiện thông tin theo quy định của pháp luật.

Mục 2 – Cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu**Điều 19. Cổ phần**

1. Một cổ phần của LPBank có mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng.

2. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, toàn bộ cổ phần của LPBank là cổ phần phổ thông, tất cả các cổ đông của LPBank là cổ đông phổ thông.
3. LPBank có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi hoặc cổ phần ưu đãi kèm chứng quyền khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định pháp luật.
4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
5. Việc mua, bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 20. Tỷ lệ sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ của LPBank.
2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của LPBank.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của LPBank. Cổ đông lớn của LPBank và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.
4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau:
 - a) Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết của LPBank quy định tại các khoản 2 và khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này;
 - b) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 6 Điều này.
5. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại tiết (i) điểm t khoản 1 Điều 1 Điều lệ này.
6. Điều kiện, thủ tục, tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư đó tại LPBank được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành liên quan. Trong từng thời kỳ, ĐHĐCĐ quyết định điều chỉnh tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư đó tại LPBank phù hợp quy định của pháp luật. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại LPBank là 05% vốn điều lệ.
7. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều này và quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 21. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Việc chào bán và chuyển nhượng cổ phần thực hiện như sau:

- a) HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - (i) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - (ii) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ trong LPBank;
 - (iii) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ.
 - b) Trường hợp LPBank phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán sổ cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại LPBank thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
 - (i) LPBank phải công bố thông tin trước khi chào bán cổ phần theo quy định của pháp luật về chào bán chứng khoán ra công chúng và thực hiện các thủ tục khác của việc chào bán theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - (ii) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
 - (iii) Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do HĐQT quản lý. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của LPBank hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán.
 - c) Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của người mua là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với người mua là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại; ngày đăng ký cổ phần được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của LPBank;
 - d) Sau khi cổ phần được bán, LPBank phải phát hành và trao giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho người mua đối với cổ phần chưa lưu ký, hoặc các thông tin của cổ đông nêu tại điểm c khoản này được ghi nhận trong Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán do VSDC quản lý là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong LPBank. Đối với cổ phần đã lưu ký, cổ phiếu sẽ được hạch toán thẳng vào tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSDC theo đăng ký của cổ đông;
 - e) Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp (không bao gồm người đại diện phần vốn góp của Nhà nước) tại LPBank là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của LPBank không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

3. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo quyết định của NHNN, thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
 - b) Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
 - c) Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.
4. Việc mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng.
5. Sau khi niêm yết, việc quản lý, phát hành và chuyển nhượng cổ phần của LPBank được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. LPBank phải chấp hành các quy định về niêm yết, phát hành cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của NHNN, quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Điều lệ này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 22. Mua lại cổ phần

1. LPBank chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định pháp luật.
2. LPBank mua lại cổ phiếu của chính mình phải đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - a) Có quyết định của ĐHĐCĐ thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại;
 - b) Có đủ nguồn để mua lại cổ phiếu từ các nguồn sau đây: thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;
 - c) Có công ty chứng khoán được chỉ định thực hiện giao dịch;
 - d) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật trong trường hợp LPBank thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;
 - e) Không thuộc các trường hợp sau đây:
 - (i) LPBank đang có nợ phải trả quá hạn căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; trường hợp thời điểm dự kiến mua lại cổ phiếu quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, việc xác định nợ quá hạn được căn cứ vào báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét, trừ trường hợp được miễn trừ hoặc pháp luật có quy định khác;
 - (ii) LPBank đang trong quá trình chào bán, phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn, trừ trường hợp được miễn trừ hoặc pháp luật có quy định khác;

- (iii) Cổ phiếu của LPBank đang là đối tượng chào mua công khai, trừ trường hợp được miễn trừ hoặc pháp luật có quy định khác;
 - (iv) Đã thực hiện việc mua lại cổ phiếu của chính mình trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày báo cáo kết quả mua lại hoặc vừa kết thúc đợt chào bán, phát hành cổ phiếu để tăng vốn không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành, trừ trường hợp được miễn trừ hoặc pháp luật có quy định khác;
3. Trừ trường hợp mua lại cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ sở hữu trong LPBank hoặc mua lại cổ phiếu theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc mua lại cổ phiếu thông qua giao dịch thực hiện theo phương thức khớp lệnh, LPBank không được mua lại cổ phiếu của các đối tượng sau đây:
- (i) Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định của Luật Chứng khoán;
 - (ii) Người sở hữu cổ phiếu có hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - (iii) Cổ đông lớn của LPBank.
4. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:
- a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại LPBank hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu LPBank mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu LPBank mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến LPBank trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này;
 - b) LPBank phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường hoặc giá do hai bên thỏa thuận trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. LPBank giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
5. LPBank có thể mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của LPBank, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định pháp luật.
6. Việc mua lại cổ phần, cổ phiếu tại khoản 4, khoản 5 Điều này được miễn trừ điều kiện nêu tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này.
7. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của LPBank giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì LPBank phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.
8. Thủ tục thực hiện mua lại, điều kiện thanh toán, xử lý các cổ phần được mua lại, giảm vốn điều lệ của LPBank (trường hợp pháp luật có yêu cầu), báo cáo việc mua lại và công bố thông tin sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định của LPBank từng thời kỳ.

Điều 23. Thừa kế cổ phần

1. Trong trường hợp cổ đông chết, việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.
2. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp và thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật về thừa kế, người thừa kế thực hiện việc nhận thừa kế đối với cổ phần được thừa kế theo quy định của pháp luật và trở thành cổ đông của LPBank, được hưởng các quyền và nghĩa vụ của cổ đông mà họ được thừa kế phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
3. Người thừa kế cổ phần của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người quản lý và các chức danh khác tại LPBank được sở hữu cổ phần để trở thành cổ đông của LPBank nhưng không được thừa kế quyền làm thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người quản lý và các chức danh khác tại LPBank.

Điều 24. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu của LPBank là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của LPBank. Cổ phiếu có thể là bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử. Cổ phiếu của LPBank được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và đăng ký tập trung tại VSDC.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do LPBank phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của LPBank chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với LPBank.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được LPBank cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
4. Cổ phiếu của LPBank không được sử dụng để cầm cố tại chính LPBank.
5. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, LPBank phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua.

Điều 25. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán và xác lập danh sách cổ đông

1. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán:
 - a) Chứng khoán của LPBank được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSDC;
 - b) LPBank đăng ký thông tin về LPBank, chứng khoán của LPBank và người sở hữu chứng khoán với VSDC;
 - c) Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán được lập và lưu giữ tại VSDC. Các danh sách bản cứng, bản mềm được cung cấp tại các thời điểm theo yêu cầu của LPBank được lưu giữ tại trụ sở chính của LPBank. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông này;

- d) Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với LPBank hoặc các tổ chức có chức năng cập nhật để đăng ký cập nhật với VSDC. LPBank không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông;
 - e) LPBank phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong danh sách cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định của VSDC từng thời kỳ.
2. Xác lập danh sách cổ đông:
- a) HĐQT quyết định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các cổ đông được hưởng các quyền của cổ đông và phải đảm bảo cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ phần mà mình sở hữu với LPBank trước thời điểm nói trên;
 - b) Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách cổ đông đến ngày quyền của cổ đông được thực hiện, người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền của cổ đông.

Điều 26. Phát hành Trái phiếu

- 1. LPBank có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các loại trái phiếu khác theo quy định của Luật các TCTD, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan;
- 2. ĐHĐCĐ có thẩm quyền thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;
- 3. HĐQT có thẩm quyền quyết định phương án phát hành trái phiếu trong nước, trái phiếu chào bán tại nước ngoài, trừ phương án phát hành trái phiếu thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại điểm b khoản này;
- 4. Thẩm quyền quyết định việc niêm yết trái phiếu thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT LPBANK

Mục 1 – Cơ cấu tổ chức quản lý, bộ máy điều hành

Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý, bộ máy điều hành của LPBank

- 1. Cơ cấu tổ chức quản lý của LPBank bao gồm:
 - a) Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Hội đồng Quản trị;
 - c) Ban Kiểm soát;
 - d) Tổng Giám đốc.
- 2. Bộ máy điều hành của LPBank bao gồm:
 - a) Tổng Giám đốc;
 - b) Các Phó Tổng Giám đốc;
 - c) Kế toán trưởng;
 - d) Các đơn vị, cá nhân khác do HĐQT quyết định.

Mục 2 – Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông**Điều 28. Cổ đông**

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của LPBank, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà cổ đông sở hữu.
2. LPBank có tối thiểu 100 (một trăm) cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trong đó phải có cổ đông là tổ chức và cổ đông cá nhân theo quy định của NHNN. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông phải đảm bảo theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức tại LPBank thực hiện theo quy định của LPBank và pháp luật.

Điều 29. Quyền của cổ đông LPBank

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các phiên họp của ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức theo nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - c) Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong LPBank;
 - d) Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của LPBank hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - e) Xem, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của LPBank, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - g) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của HĐQT;
 - h) Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại LPBank khi LPBank giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật về giải thể và phá sản;
 - i) Ứng cử, đề cử người vào HĐQT, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ LPBank hoặc theo quy định của pháp luật. Danh sách ứng cử viên phải được gửi đến HĐQT theo thời hạn do HĐQT quy định.
 - j) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông

- qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của LPBank;
- b) Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của LPBank khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của LPBank; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Đề cử người vào HĐQT, Ban Kiểm soát;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến LPBank trong thời hạn sớm nhất và chỉ có hiệu lực với LPBank kể từ ngày LPBank nhận được văn bản. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
 - b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỉ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
 - d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80%

được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa chín (09) ứng cử viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền sau:

- a) Nhận cổ tức với mức theo quy định của LPBank trong từng thời kỳ;
- b) Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào LPBank, sau khi LPBank đã thanh toán hết các khoản nợ, khi LPBank giải thể hoặc phá sản;
- c) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ các quyền biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ, đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát (Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ, đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp).

Điều 30. Nghĩa vụ của cổ đông LPBank

1. Cổ đông phổ thông phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

- a) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do LPBank quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của LPBank trong phạm vi số vốn đã góp vào LPBank;
- b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi LPBank dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của LPBank, trừ trường hợp được LPBank hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong LPBank phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của LPBank trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;
- c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại LPBank; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của LPBank; không được góp vốn, mua cổ phần của LPBank dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
- d) Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của LPBank;
- e) Chấp hành nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- f) Cung cấp thông tin cá nhân chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Thông báo ngay khi có sự thay đổi thông tin đã đăng ký.
- g) Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh LPBank dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - (i) Vi phạm pháp luật;
 - (ii) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- (iii) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với LPBank.
 - h) Bảo mật các thông tin được LPBank cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được LPBank cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
 - i) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; nếu không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác cho LPBank, trong trường hợp LPBank phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, LPBank có quyền đình chỉ quyền cổ đông liên quan đến số cổ phần không công khai chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

Điều 31. Đại hội đồng cổ đông

- 1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của LPBank.
- 2. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của LPBank;
 - b) Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của LPBank;
 - c) Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát;
 - d) Quyết định số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ này;
 - e) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát;
 - f) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của HĐQT, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho LPBank và cổ đông của LPBank;
 - g) Quyết định cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành của LPBank;
 - h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - i) Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;
 - j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;
 - k) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của LPBank;
 - l) Thông qua báo cáo của HĐQT, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - m) Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, Công ty con của LPBank;
 - n) Thông qua phương án góp vốn, mua bán cổ phần của LPBank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp

- bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của LPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- o) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của LPBank mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của LPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p) Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của LPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa LPBank với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của LPBank; Công ty con, Công ty liên kết của LPBank, trừ trường hợp LPBank đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;
 - q) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ngân hàng;
 - r) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của LPBank;
 - s) Chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của LPBank, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - t) Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;
 - u) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.
3. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua tối thiểu các vấn đề quy định tại điểm k và l khoản 2 Điều này và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 32. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm họp một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
2. Hình thức họp ĐHĐCĐ: Người triệu tập họp được quyết định lựa chọn một trong các hình thức họp ĐHĐCĐ sau: Trực tiếp (hình thức họp truyền thống); Trực tuyến; Trực tuyến kết hợp trực tiếp.
Đối với hình thức họp trực tuyến, trực tuyến kết hợp trực tiếp: (i) Tuân thủ Quy chế Tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử; (ii) Người triệu tập họp được chủ động quyết định ứng dụng, phương tiện triển khai; (iii) Cách thức, hướng dẫn cổ đông tham gia họp, biểu quyết phải được gửi đến cổ đông kèm Thông báo mời họp.
3. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Báo cáo tài chính hằng năm, kế hoạch kinh doanh hằng năm của LPBank;
- b) Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- c) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của LPBank, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc;
- d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT, Ban Kiểm soát chuẩn bị các báo cáo và tài liệu liên quan; đảm bảo các Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính của LPBank, Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành LPBank phải có ở trụ sở chính của LPBank chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ.

- 4. ĐHĐCĐ họp bất thường theo triệu tập họp của HĐQT trong các trường hợp sau đây:
 - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của LPBank;
 - b) Số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông;
 - d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 5. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và d khoản 4 Điều này.

Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho LPBank.
- 6. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho LPBank.
- 7. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định pháp luật có quyền đại diện LPBank triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 8. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát;
 - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
9. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại các khoản 5, khoản 6 và khoản 7 của Điều này sẽ được LPBank hoàn lại.
10. Ngoài ra, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường khi có yêu cầu của NHNN. Trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của LPBank, NHNN có quyền yêu cầu HĐQT của LPBank triệu tập ĐHĐCĐ bất thường và quyết định về nội dung NHNN yêu cầu.

Điều 33. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của LPBank. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của chính cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán thực hiện theo quy định do HĐQT LPBank ban hành.

Điều 34. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định pháp luật có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến LPBank chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
 - c) Những vấn đề kiến nghị không phù hợp với quy định tại Điều lệ này và/hoặc không phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

Điều 35. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm và/ hoặc bằng các phương thức điện tử để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đã đăng ký với LPBank/Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản và đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của LPBank. Việc gửi thông báo mời họp bằng các phương thức điện tử nêu trên và cách thức thực hiện do HĐQT quyết định, phù hợp với quy định pháp luật và văn bản của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
2. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của LPBank; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông là cá nhân hoặc tên, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
3. Kèm theo thông báo mời họp phải có các tài liệu sau:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
 - b) Phiếu biểu quyết.
4. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp theo quy định trên có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của LPBank. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và LPBank phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 36. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp.
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp.
 - c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
 - e) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử bằng phương tiện khác theo quyết định của HĐQT.

Trường hợp cổ đông gửi phiếu biểu quyết/bầu cử theo phương thức nêu tại điểm d và điểm e khoản này thì cổ đông chỉ được coi là biểu quyết/bầu cử khi Phiếu biểu quyết/bầu cử được gửi đến LPBank (có văn bản xác nhận của LPBank/Chủ tọa cuộc họp) trước thời điểm kiểm phiếu.

Trong trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được chỉ định thì Cổ đông phải xác định cụ thể số cổ phần và phiếu bầu của mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường

hợp Cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Chữ ký của người ủy quyền phải được đóng dấu của tổ chức. Trường hợp chữ ký của người ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu tổ chức thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của tổ chức ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của người ủy quyền;
 - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.
4. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu LPBank nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất 24 (hai mươi tư) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của ĐHĐCĐ.
5. Chỉ những người có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ mới có quyền tham dự hoặc ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 37. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Điều lệ này.

Điều 38. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ được tiến hành theo quy định sau đây:
Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.
2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều hành đề ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển đề ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
5. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 39. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định sau đây:
 - a) ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức: (i) biểu quyết tại cuộc họp; hoặc (ii) lấy ý kiến bằng văn bản;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm c, d, e khoản này, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;
 - c) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm h và điểm o khoản 2 Điều 31 của Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;
 - d) Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm q khoản 2 Điều 31 của Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
2. Việc bầu thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
3. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
4. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp LPBank có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của LPBank.

5. Quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm a, d, f, và q khoản 2 Điều 31 của Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
6. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định như sau:
 - a) HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ thời điểm nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của LPBank, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định về lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định mời họp ĐHĐCĐ;
 - b) HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ được đăng ký của từng cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;
 - c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của LPBank;
 - (ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (vi) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về LPBank;
 - (vii) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
 - d) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến LPBank theo một trong các hình thức:
 - (i) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về LPBank phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - (ii) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về LPBank qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.Các phiếu lấy ý kiến gửi về LPBank sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.
 - e) Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

- f) HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản trị, điều hành LPBank. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (iii) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - (v) Các quyết định đã được thông qua;
 - (vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên được Chủ tịch HĐQT ủy quyền thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- g) Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của LPBank;
- h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của LPBank;
- i) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 40. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các nội dung liên quan đến biên bản họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định sau:
- a) Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải họp ĐHĐCĐ phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của LPBank;
 - (ii) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - (iii) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - (iv) Họ tên Chủ tọa và thư ký;
 - (v) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - (vi) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- (vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- (viii) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- (ix) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản họp ĐHĐCĐ được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- b) Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp;
 - c) Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản;
 - d) Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi hoặc công bố thông tin theo quy định pháp luật;
 - e) Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của LPBank.
2. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được ĐHĐCĐ thông qua phải được LPBank gửi đến NHNN theo quy định.

Điều 41. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp:

- 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Mục 3 – Các quy định chung về Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc,

Phó Tổng Giám đốc và người quản lý, điều hành khác

Điều 42. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

- 1. Những người sau đây không được là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương của LPBank:

- a) Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên HĐQT và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;
 - d) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của HĐQT; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng Ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
 - e) Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc của LPBank, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 53 của Điều lệ này;
 - f) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với các hành vi vi phạm về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con của LPBank:
- a) Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
 - c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
 - e) Cán bộ, công chức, viên chức, Người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại LPBank hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát LPBank theo yêu cầu nhiệm vụ;
 - f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên

ngiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại LPBank;

- g) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- 3. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc LPBank và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của LPBank.

Điều 43. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

1. Chủ tịch HĐQT của LPBank không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát của LPBank và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
2. Thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Người điều hành LPBank, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của LPBank;
 - b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của LPBank hoặc của công ty mẹ của LPBank hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
 - c) Kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
3. Thành viên độc lập HĐQT của LPBank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Người điều hành LPBank;
 - b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
 - c) Kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
4. Thành viên Ban Kiểm soát của LPBank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:
 - a) Người quản lý, người điều hành LPBank, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của LPBank hoặc công ty con của LPBank;
 - b) Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT của LPBank là thành viên HĐQT, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.
5. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của LPBank không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của LPBank là người quản lý, người điều hành công ty con của LPBank hoặc của công ty mẹ của LPBank.

Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện với Người quản lý, Người điều hành và một số chức danh khác của LPBank

1. Thành viên HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN;
 - c) Có trình độ từ đại học trở lên;
 - d) Có một trong các điều kiện sau đây: Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
2. Thành viên Ban Kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
- a) Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này;
 - b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
 - c) Có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
 - d) Không phải là người có liên quan của Người quản lý LPBank;
 - e) Trưởng Ban Kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
3. Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
- a) Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này;
 - b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
 - c) Có một trong các điều kiện sau đây: Có ít nhất 05 (năm) năm là Người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm làm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
4. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty con và các chức danh tương đương phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
- a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Điều lệ này; đối với Phó Tổng Giám đốc phải không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 41 của Điều lệ này;
 - b) Có một trong các điều kiện sau đây: Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về

ngành khác và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

- c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
- d) Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 45. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Thành viên độc lập HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 44 Điều lệ này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- 1. Không phải là người đang làm việc cho LPBank hoặc Công ty con của LPBank hoặc đã làm việc cho LPBank hoặc Công ty con của LPBank trong 03 (ba) năm liền kể trước đó.
- 2. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của LPBank ngoài những khoản thù lao của Thành viên HĐQT được hưởng.
- 3. Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của LPBank, Người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của LPBank hoặc Công ty con của LPBank.
- 4. Không đại diện sở hữu cổ phần của LPBank; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của LPBank.
- 5. Không phải là Người quản lý, Thành viên Ban Kiểm soát của LPBank tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kể trước đó.
- 6. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của LPBank không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Điều 46. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách

- 1. Những trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của LPBank:
 - a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Điều lệ này;
 - b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của LPBank khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
 - c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) Khi LPBank bị thu hồi giấy phép;
 - f) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực;
 - g) Chết.
- 2. HĐQT của LPBank phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, f, g khoản 1 Điều này gửi NHNN trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách

nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

- a) Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT để bầu một thành viên làm Chủ tịch HĐQT;
 - b) Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát;
 - c) Trường hợp Tổng Giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, HĐQT phải có quyết định cử ngay một Thành viên HĐQT (không là Chủ tịch HĐQT)/Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động LPBank để đảm bảo LPBank hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo NHNN (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát và NHNN Chi nhánh). Người được cử điều hành LPBank phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này. Người được cử điều hành có thể được bổ nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc và có toàn bộ nhiệm vụ, quyền hạn (bao gồm nhiệm vụ, quyền hạn của Người đại diện theo pháp luật (nếu có)) của Tổng Giám đốc.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của LPBank vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 47. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 46 của Điều lệ này, Chủ tịch, thành viên khác của HĐQT; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc của LPBank bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức hoặc từ nhiệm gửi HĐQT, Ban Kiểm soát của LPBank;
 - b) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 44 của Điều lệ này;
 - d) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập của HĐQT không đáp ứng quy định tại Điều 45 và khoản 3 Điều 43 của Điều lệ này.
 - e) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo quy định pháp luật.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của HĐQT; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc của LPBank vẫn phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT của LPBank phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật, trong đó:

- a) Khi nhận đơn xin từ chức hoặc từ nhiệm của Chủ tịch HĐQT, HĐQT phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch HĐQT thay thế;
- b) Khi nhận đơn xin từ chức hoặc từ nhiệm của Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát thay thế;
- c) Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT có thể tổ chức họp ĐHCĐ bất thường hoặc trình ĐHCĐ gần nhất quyết định;
- d) Khi Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Điều lệ này, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT phải tiến hành các thủ tục đề nghị NHNN bổ nhiệm hoặc chuẩn y việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới theo quy định.

Điều 48. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Người điều hành

1. NHNN có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của HĐQT; Trưởng Ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Người điều hành LPBank vi phạm quy định tại Điều 43, khoản 10 Điều 51 của Điều lệ này, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 44, Điều 45 của Điều lệ này; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
2. Ban Kiểm soát đặc biệt (do NHNN thành lập khi quyết định đặt LPBank vào tình trạng kiểm soát đặc biệt) có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của HĐQT; Trưởng Ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Người điều hành của LPBank bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.
3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, HĐQT, Ban Kiểm soát của LPBank hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.
4. Chủ tịch và các thành viên khác của HĐQT, Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của LPBank có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của cơ quan bảo vệ pháp luật.

Điều 49. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc

1. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của LPBank phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này.
2. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của LPBank phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận.

3. LPBank phải thông báo cho NHNN danh sách người được bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.

Điều 50. Cung cấp, công bố công khai thông tin

1. Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của LPBank phải cung cấp cho LPBank các thông tin sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc);
 - c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của LPBank phải cung cấp cho LPBank các thông tin sau đây:
 - a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;
 - b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
 - c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại LPBank;
 - d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại LPBank.
3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi LPBank bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho LPBank khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của LPBank so với lần cung cấp liền trước.
4. LPBank phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của LPBank và gửi báo cáo bằng văn bản cho NHNN trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày LPBank nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, LPBank công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với ĐHĐCĐ của LPBank.

5. LPBank phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của LPBank và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của LPBank trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày LPBank nhận được thông tin cung cấp.
6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.
7. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của LPBank đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về LPBank.

Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của Người quản lý, Người điều hành

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ của LPBank, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.
2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của LPBank, cổ đông.
3. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của LPBank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của LPBank để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của LPBank, cổ đông.
4. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định pháp luật.
5. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của LPBank để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của LPBank, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.
6. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của LPBank.
7. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho LPBank về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của LPBank và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được HĐQT chấp thuận.
8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của LPBank với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của LPBank.
9. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi LPBank bị lỗ.
10. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của NHNN đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của NHNN. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.
11. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

Điều 52. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý, người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát

1. ĐHĐCĐ quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát;
2. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT:
 - a) Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - b) Thành viên HĐQT làm việc tại các Ủy ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT có thể được trả thêm tiền thù lao hoặc dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc hình thức khác theo quyết định của HĐQT;
 - c) Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát:
 - a) Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định mức tổng thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;
 - b) Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
4. LPBank có quyền trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác cho người điều hành theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của người điều hành do HĐQT xem xét, quyết định.
5. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát; tiền lương, thù lao và lợi ích khác của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của LPBank theo quy định của pháp luật.

Mục 4 – Hội đồng Quản trị**Điều 53. Hội đồng Quản trị và Cơ cấu Hội đồng Quản trị**

1. HĐQT là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh LPBank để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của LPBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn

lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

3. HĐQT phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. HĐQT phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành LPBank.
4. Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của LPBank, thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, LPBank phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp khác theo quy định pháp luật.
5. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT; nhưng không được vượt quá 02 thành viên HĐQT của LPBank, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.
6. HĐQT sử dụng con dấu của LPBank để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
7. HĐQT có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do HĐQT quy định.
8. HĐQT phải thành lập các Ủy ban để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban về quản lý rủi ro và Ủy ban về nhân sự. HĐQT quy định cơ cấu tổ chức, hoạt động và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban.

Điều 54. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị

1. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐCĐ quy định tại khoản 2 Điều 31 của Điều lệ này.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của HĐQT.
5. Cử người đại diện vốn góp của LPBank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của LPBank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của LPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
7. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của LPBank mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của LPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
8. Quyết định các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Luật các TCTD, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều 31 Điều lệ này.

9. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của LPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ giữa LPBank với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của LPBank; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của LPBank; công ty con, công ty liên kết của LPBank.
10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của LPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
12. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của LPBank phù hợp với các quy định của Luật các TCTD và pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của ĐHĐCĐ, bao gồm nhưng không giới hạn các văn bản sau:
 - a) Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT;
 - b) Quy chế nội bộ về quản trị của LPBank;
 - c) Quy chế, quy định về tổ chức và hoạt động của các Đơn vị trực thuộc LPBank;
 - d) Các Quy chế, quy định về phân cấp, ủy quyền, giới hạn để Tổng Giám đốc điều hành trong các hoạt động huy động vốn, cấp tín dụng, đầu tư, mua sắm tài sản và các vấn đề khác của LPBank.
13. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của LPBank.
14. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
15. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
16. Quyết định phương án phát hành trái phiếu trả trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi trả trường hợp giá chào bán đã được ấn định trong Phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua.
17. Quyết định mua lại cổ phần của LPBank theo phương án được duyệt.
18. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
19. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
20. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.
21. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
22. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc.

23. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền.
24. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản LPBank.
25. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển của LPBank (bao gồm cả các đề án cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng gắn với hoạt động kinh doanh).
26. Quyết định kế hoạch kinh doanh hằng năm của LPBank.
27. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của LPBank, trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
28. Phân cấp phân quyền đối với các đơn vị, cá nhân thuộc LPBank, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật.
29. Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá đối với hoạt động nội bộ, quản lý rủi ro và mức đủ vốn theo quy định của pháp luật.
30. Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do ĐHĐCĐ phân công, giao theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
31. Quyết định mọi vấn đề khác của LPBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ này.
32. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 55. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT.
3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT.
4. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT.
5. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ.
6. Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét.
7. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT.
8. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.
9. Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Ủy ban của HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả đánh giá này.
10. Triệu tập, chủ tọa cuộc họp của các Ủy ban mà Chủ tịch HĐQT không đồng thời là Chủ tịch Ủy ban khi xét thấy cần thiết.
11. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác (không phải Tổng Giám đốc) thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này.
12. Quyết định việc mời các chuyên gia tư vấn/cố vấn và thành lập các Hội đồng tư vấn/cố vấn cho HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT.
13. Ký các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT.
14. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, quy định nội bộ của LPBank và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 56. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, của NHNN, Điều lệ, quy định nội bộ liên quan khác của LPBank và sự phân công của HĐQT, Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của LPBank và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành của LPBank, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo.
3. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT bất thường theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.
4. Tham dự cuộc họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định tại Điều lệ này, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về quyết định của mình. Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.
5. Thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
6. Nghiên cứu, đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của LPBank. Đóng góp ý kiến vào việc xây dựng chiến lược phát triển, phương hướng, kế hoạch hoạt động và kinh doanh của LPBank trong từng thời kỳ.
7. Tham gia bỏ phiếu hoặc cho ý kiến về việc bầu chức danh Chủ tịch HĐQT.
8. Tham gia các Ủy ban, Hội đồng thuộc HĐQT để thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định nội bộ của LPBank và pháp luật.
9. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
10. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất về các giao dịch phải báo cáo theo quy định pháp luật.
11. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc trong LPBank cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của LPBank và của đơn vị trong LPBank. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do HĐQT quy định.
12. Không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 54 của Điều lệ này.
13. Giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
14. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT.
15. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

Điều 57. Họp Hội đồng Quản trị

1. HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Cuộc họp bất thường của HĐQT được tiến hành theo đề nghị của:

- a) Chủ tịch HĐQT;
 - b) Ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT hoặc 01 thành viên độc lập HĐQT;
 - c) Ban Kiểm soát;
 - d) Tổng Giám đốc; hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp HĐQT bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 2 Điều này, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập và tiến hành cuộc họp HĐQT bất thường. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với LPBank; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.
4. Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của LPBank hoặc những địa điểm khác được HĐQT quy định.
5. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại LPBank.
6. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Trường hợp triệu tập họp HĐQT nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định thì Chủ tịch HĐQT hoặc người có thẩm quyền được triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.
Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận, trừ trường hợp không được ủy quyền theo quy định tại Điều 56 Điều lệ.
7. Biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT:
- a) Mỗi thành viên HĐQT tham dự họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT;
 - b) Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;
 - c) Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp:
 - (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
 - (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

(iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

8. Thành viên HĐQT thực hiện công khai, báo cáo với HĐQT các lợi ích liên quan theo quy định pháp luật, quy định nội bộ của LPBank.
9. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên khác trong HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt).
10. Cuộc họp HĐQT phải được lập thành Biên bản họp bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Chủ tọa, Thư ký và những người ký tên trong Biên bản họp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp HĐQT.
11. Sau khi cuộc họp kết thúc, Thư ký cuộc họp soạn thảo, trình Chủ tịch HĐQT ký Nghị quyết phiên họp (một Nghị quyết chung hoặc các Nghị quyết về từng vấn đề) gửi cho các thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và các đơn vị, cá nhân có liên quan để thực hiện, giám sát, đồng thời lưu giữ tại LPBank.
12. Các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác được mời dự toàn bộ hoặc một phần cuộc họp HĐQT, nhưng không được tham gia biểu quyết.

Điều 58. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các nội dung liên quan đến Biên bản họp HĐQT thực hiện theo quy định như sau:
 - a) Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của LPBank;
 - (ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (iii) Thời gian, địa điểm họp;
 - (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (v) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (viii) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (ix) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
 - b) Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của LPBank.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các tiết i, ii, iii, iv, v, vi, vii, và viii điểm a khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ LPBank.
3. Biên bản cuộc họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp các biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

Điều 59. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến của Thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử

1. Để kịp thời giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử (bao gồm thư điện tử hoặc các hình thức thông điệp dữ liệu khác phù hợp theo quy định của Luật Giao dịch điện tử).
2. Thư ký HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của LPBank và ngày cấp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về LPBank;
 - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về LPBank theo quy định của LPBank. Trường hợp thành viên HĐQT gửi ý kiến thông qua phương tiện điện tử phải đảm bảo truyền đạt được đầy đủ ý kiến của mình tới Thư ký HĐQT. Ý kiến của thành viên HĐQT gửi qua phương tiện điện tử có giá trị tương đương ý kiến bằng văn bản. Quá thời hạn yêu cầu mà thành viên HĐQT chưa gửi ý kiến trả lời thì được xem như “không có ý kiến”.
5. Việc kiểm phiếu, lập biên bản tổng hợp ý kiến phải có sự tham gia của Chủ tịch HĐQT và Thư ký HĐQT và các cá nhân khác do Chủ tịch HĐQT yêu cầu. Biên bản tổng hợp ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của LPBank;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;

- c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Thư ký HĐQT và các cá nhân tham gia khác (nếu có).
- 6. Chủ tịch HĐQT, Thư ký HĐQT và các cá nhân khác (nếu có) tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản tổng hợp ý kiến; chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
 - 7. Biên bản tổng hợp ý kiến kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
 - 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản tổng hợp ý kiến, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của LPBank.
 - 9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Mục 5 – Ban kiểm soát

Điều 60. Ban Kiểm soát và cơ cấu của Ban Kiểm soát

- 1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT.
- 2. Ban Kiểm soát có tối thiểu 05 (năm) thành viên. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát do ĐHCĐ quyết định từng thời kỳ.
- 3. Ban Kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- 4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
- 5. Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, Ban Kiểm soát phải đề nghị HĐQT triệu tập ĐHCĐ để bầu bổ sung bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp khác theo quy định pháp luật.

6. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp bất thường theo đề nghị của:
 - a) Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất hai phần ba số Thành viên HĐQT trở lên;
 - b) Trưởng Ban Kiểm soát;
 - c) Ít nhất 01 (một) thành viên Ban Kiểm soát;
 - d) Tổng Giám đốc;
 - e) Trường hợp khác theo quy định pháp luật.
7. Ban Kiểm soát ban hành quy định nội bộ về các nội dung liên quan đến hoạt động Ban Kiểm soát phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này.

Điều 61. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát; quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát
 - a) Giám sát hoạt động quản trị, điều hành LPBank trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ của LPBank;
 - b) Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ của LPBank về kế toán và báo cáo;
 - c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ;
 - d) Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành LPBank, có quyền sử dụng các nguồn lực của LPBank để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát;
 - e) Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của LPBank; báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
 - f) Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của LPBank thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - g) Giám sát việc chấp hành các quy định về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của LPBank;
 - h) Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của LPBank khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;

- (ii) Theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn, phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
- i) Kịp thời thông báo cho ĐHĐCĐ, HĐQT khi phát hiện Người quản lý, Người điều hành LPBank có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của LPBank, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có;
- j) Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của LPBank, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;
- k) Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ này;
- l) Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này;
- m) Kịp thời báo cáo Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật;
- n) Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật;
- o) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các văn bản khác của LPBank.
2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát
- Các cơ quan, cá nhân liên quan phải thực hiện để đảm bảo quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:
- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;
- b) Các nghị quyết và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT phải được gửi đến cho các Thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên HĐQT;
- c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do LPBank phát hành được gửi đến các Thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;
- d) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của LPBank lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý, điều hành và nhân viên của LPBank trong giờ làm việc;

- e) HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý, điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của LPBank theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 62. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 58 của Điều lệ này và theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định tại điểm k và l khoản 1 Điều 61 của Điều lệ này.
5. Tham dự cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT và báo cáo trước ĐHĐCĐ.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban Kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm soát.
8. Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.
10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.

Điều 63. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ của LPBank, quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban Kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của LPBank và của cổ đông, chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Bầu Trưởng Ban Kiểm soát, Phó Trưởng Ban Kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập Ban Kiểm soát họp bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành LPBank.
6. Yêu cầu Người quản lý, Người điều hành, nhân viên của LPBank cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
7. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.

8. Tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
9. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

Mục 6 – Tổng Giám đốc

Điều 64. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc

1. HĐQT bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của LPBank, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định do HĐQT ban hành.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm.
3. Trường hợp khuyết Tổng Giám đốc, HĐQT của LPBank phải bổ nhiệm Tổng Giám đốc trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày khuyết Tổng Giám đốc.
4. HĐQT quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc, trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

Điều 65. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trước HĐQT và pháp luật trong việc điều hành hoạt động LPBank theo quy định tại Điều lệ này, các quy định nội bộ khác của LPBank và quy định của pháp luật có liên quan.
2. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
3. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của LPBank.
4. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
5. Lập và trình HĐQT thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
6. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý.
7. Báo cáo HĐQT, Ban Kiểm soát, ĐHĐCĐ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của LPBank.
8. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo HĐQT.
9. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ của LPBank trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền.
10. Đề nghị HĐQT hợp bất thường theo quy định của Luật các TCTD.
11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của LPBank, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

12. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh LPBank theo quy định của Điều lệ này và quy định nội bộ của LPBank.
13. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của LPBank.
14. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.
15. Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá đối với hoạt động nội bộ, quản lý rủi ro và mức đủ vốn theo quy định của pháp luật.
16. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, quy định nội bộ của LPBank và quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 7 – Người lao động và công đoàn

Điều 66. Người lao động và công đoàn

LPBank phải xây dựng các quy định liên quan đến:

1. Việc tuyển dụng, thuê mướn lao động, thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của LPBank;
2. Hoạt động của tổ chức công đoàn LPBank thực hiện theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG IV

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 67. Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của LPBank và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.
2. Hệ thống kiểm soát nội bộ của LPBank được xây dựng để đảm bảo các yêu cầu sau đây:
 - a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
 - c) Tuân thủ pháp luật và các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ.
3. LPBank thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ theo yêu cầu của NHNN khi xét thấy cần thiết.
4. LPBank xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 68. Kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán nội bộ của LPBank được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo chiều dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của LPBank, đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần đảm bảo LPBank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban Kiểm soát và gửi HĐQT, Tổng Giám đốc LPBank.

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, THÔNG TIN, BÁO CÁO

Mục 1 – Chế độ tài chính, kế toán

Điều 69. Chế độ tài chính

1. LPBank tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.
2. HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc LPBank chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của LPBank.

Điều 70. Năm tài chính

Năm tài chính của LPBank bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày LPBank được cấp Giấy phép và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm đó.

Điều 71. Sử dụng vốn

1. LPBank được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.
2. LPBank được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.
3. LPBank được điều động vốn và tài sản giữa các Công ty con có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập trên cơ sở bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật.

Điều 72. Hệ thống kế toán

1. LPBank thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.
2. LPBank sẽ lập sổ sách kế toán theo quy định pháp luật. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
3. LPBank thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN quy định.
4. LPBank sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
5. LPBank mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam (NHNN hoặc ngân hàng thương mại) hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. Trong trường hợp cần thiết, LPBank có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật. LPBank sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà LPBank mở tài khoản theo quy định của pháp luật.

Điều 73. Kiểm toán độc lập

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, LPBank phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc NHNN để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo. Việc chọn tổ chức kiểm toán độc lập được thực hiện theo quy định liên quan của pháp luật.

2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, LPBank phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. Trong quá trình kiểm toán, LPBank có trách nhiệm:
 - a) Cung cấp kịp thời, đầy đủ và trung thực mọi thông tin, tài liệu cần thiết cho việc kiểm toán;
 - b) Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm toán viên thực hiện kiểm toán.
4. ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của LPBank cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT.

Mục 2 – Trích lập các quỹ và phân chia lợi nhuận

Điều 74. Các quỹ dự trữ

LPBank được trích lập các quỹ sau:

1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
2. Quỹ dự phòng tài chính.
3. Quỹ khen thưởng.
4. Quỹ phúc lợi.
5. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 75. Phân chia lợi nhuận

1. Phần lợi nhuận còn lại của LPBank sau khi bù đắp lỗ năm trước và nộp thuế theo quy định của Pháp luật thì được phân phối theo quy định của pháp luật.
2. Trả cổ tức:
 - a) LPBank chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ của LPBank và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật; ngay sau khi trả hết cổ tức, LPBank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn;
 - b) Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chỉ trả từ lợi nhuận còn lại của LPBank nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã được ĐHĐCĐ thông qua;
 - c) LPBank sẽ không trả lãi suất cho bất cứ khoản cổ tức nào mà cổ đông được hưởng;
 - d) Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu hoặc bằng tài sản khác;
 - e) Thủ tục chi trả cổ tức thực hiện theo quy định của pháp luật;
 - f) Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục 3 – Chế độ thông tin, báo cáo**Điều 76. Báo cáo**

1. LPBank phải thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.
2. LPBank có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với NHNN trong các trường hợp sau đây:
 - a) Phát sinh diễn biến bất thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của LPBank;
 - b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của LPBank; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn;
 - c) Thay đổi tên chi nhánh của LPBank; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 (năm) ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.
3. Công ty con, Công ty liên kết của LPBank có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho NHNN khi được yêu cầu.
4. LPBank phải gửi NHNN các báo cáo hằng năm theo quy định của pháp luật.

Điều 77. Công khai báo cáo tài chính

1. Trong thời hạn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, LPBank phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp LPBank đang được kiểm soát đặc biệt.
2. LPBank công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 78. Thông tin

1. LPBank phải cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản trên cơ sở phù hợp với quy định liên quan của pháp luật.
2. LPBank có trách nhiệm cung cấp cho NHNN thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với LPBank theo quy định của NHNN.
3. LPBank được trao đổi thông tin với tổ chức tín dụng khác về hoạt động của mình.

Điều 79. Bảo mật thông tin

1. Người quản lý, Người điều hành, nhân viên của LPBank và những người có liên quan không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của LPBank.
2. LPBank phải đảm bảo bí mật thông tin khách hàng của LPBank theo quy định của pháp luật.
3. LPBank không được cung cấp thông tin Khách hàng của LPBank cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Chương VI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 80. Quyền xem xét, tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của chính cổ đông theo quy định của LPBank và có quyền xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ LPBank, nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ.
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có quyền kiểm tra Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của LPBank, danh sách cổ đông và hồ sơ khác của LPBank vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. LPBank sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung của Điều lệ, Giấy phép, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, báo cáo tài chính hằng năm đã được xác thực của kiểm toán độc lập xác nhận, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của Ban Kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa bàn hoạt động của trụ sở chính.
4. Điều lệ này được công bố trên trang thông tin điện tử của LPBank.

Chương VII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 81. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của LPBank hay tới quyền của các cổ đông nảy sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật các TCTD, Luật Doanh nghiệp hoặc bất kỳ Luật hoặc các quy định hành chính khác quy định, giữa:
 - a) Một cổ đông hay các cổ đông và LPBank;
 - b) Bất kỳ cổ đông hay các cổ đông và HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, hay cán bộ quản lý cao cấp.Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó bằng thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi một) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào đều cũng có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.
2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hoà giải trong vòng 10 (mười) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc quyết định của hòa giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án có thẩm quyền.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà án phán quyết bên nào phải chịu.

Chương VIII
CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN,
GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ

Điều 82. Can thiệp sớm và kiểm soát đặc biệt

1. Trong một số trường hợp theo quy định pháp luật, LPBank có thể bị NHNN xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm, đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt hoặc được chấm dứt tình trạng can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
2. Trường hợp rơi vào tình trạng bị can thiệp sớm và/ hoặc kiểm soát đặc biệt, LPBank phải thực hiện các yêu cầu, biện pháp hạn chế, thực hiện phương án khắc phục theo quy định pháp luật và hướng dẫn của NHNN.

Điều 83. Tổ chức lại

1. LPBank được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
2. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại LPBank thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 84. Phá sản

1. Sau khi NHNN có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà LPBank vẫn lâm vào tình trạng phá sản, thì LPBank phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Việc phá sản LPBank được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 85. Giải thể và thanh lý tài sản

1. LPBank giải thể trong các trường hợp sau:
 - a) Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
 - b) Hết thời hạn hoạt động LPBank không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
 - c) Bị thu hồi Giấy phép.
 - d) LPBank can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ.
2. Thanh lý tài sản của LPBank:
 - a) Khi giải thể theo quy định tại khoản 1 Điều này, LPBank tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do NHNN quy định.
 - b) Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý do LPBank thanh toán.

Chương IX**HIỆU LỰC, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ****Điều 86. Ngày hiệu lực, quy định chuyển tiếp, sửa đổi và bổ sung Điều lệ**

1. Ngày hiệu lực:
 - a) Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 19/05/2026.
 - b) Điều lệ này thay thế Điều lệ của LPBank ngày 11/02/2026.
2. LPBank, cổ đông và các bên liên quan thực hiện quy định chuyển tiếp theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.
4. Các vấn đề chưa được đề cập trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan. Khi có nội dung nào của Điều lệ này trái với các quy định của pháp luật thì đương nhiên hết hiệu lực thi hành và LPBank sẽ tự động áp dụng các quy định của pháp luật tương ứng/.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**Vũ Quốc Khánh**